

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		927.046.465.161	1.011.887.870.612
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	229.434.459.460	406.466.089.611
1. Tiền	111		58.934.459.460	74.666.089.611
2. Các khoản tương đương tiền	112		170.500.000.000	331.800.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		86.877.431.836	104.466.811.297
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	81.087.120.228	98.526.145.641
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	4.621.485.219	1.478.547.828
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	1.168.826.389	4.462.117.828
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		588.875.712.045	479.769.402.418
1. Hàng tồn kho	141	V.5	605.761.150.169	487.776.549.472
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.6	(16.885.438.124)	(8.007.147.054)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		21.858.861.820	21.185.567.286
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	539.766.592	543.240.794
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		21.303.888.974	20.627.620.238
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		15.206.254	14.706.254

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯƠNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		200.430.826.328	210.700.709.156
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		197.822.533.503	208.033.006.102
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	173.439.006.992	179.850.208.042
<i>Nguyên giá</i>	222		461.619.293.357	452.598.676.806
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(288.180.286.365)	(272.748.468.764)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
<i>Nguyên giá</i>	225			
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	20.513.130.389	21.073.165.157
<i>Nguyên giá</i>	228		33.490.882.138	33.490.882.138
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(12.977.751.749)	(12.417.716.981)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	3.870.396.122	7.109.632.903
III. Bất động sản đầu tư	240			
<i>Nguyên giá</i>	241			
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.824.000.000	1.824.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.11	1.824.000.000	1.824.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260		784.292.825	843.703.054
1. Chi phí trả trước dài hạn	261			
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.12	784.292.825	843.703.054
3. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.127.477.291.489	1.222.588.579.768

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		737.977.176.244	813.138.206.617
I. Nợ ngắn hạn	310		737.977.176.244	813.138.206.617
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	335.360.914.573	298.051.716.360
2. Phải trả người bán	312	V.14	370.776.231.004	469.372.865.428
3. Người mua trả tiền trước	313	V.15	4.881.881.250	5.920.060.152
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	921.260.862	8.008.885.325
5. Phải trả người lao động	315	V.17	13.703.984.762	20.132.761.667
6. Chi phí phải trả	316	V.18	6.124.255.644	2.033.412.983
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.19	2.503.793.098	2.433.117.874
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.20	3.704.855.051	7.185.386.828
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		389.500.115.245	409.450.373.151
I. Vốn chủ sở hữu	410		389.500.115.245	409.450.373.151
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.21	189.802.000.000	189.802.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.21	115.425.708.996	114.197.281.407
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.21	-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.21	18.980.200.000	18.980.200.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.21	65.292.206.249	86.470.891.744
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.127.477.291.489	1.222.588.579.768

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHI TIÊU	Thuyết minh		
		Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		40.048.865.089	41.474.618.540
Dầu dừa nhận gia công		-	1.252.438.116
Hàng hóa khách hàng gửi kho		40.048.865.089	40.222.180.424
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		8.377,27	5.477,36
Euro (EUR)		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 7 năm 2014


Nguyễn Phương Thảo
Người lập


Vũ Đức Thịnh
Kế toán trưởng



Hà Bình Sơn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, P. 15, Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo quý kết thúc ngày 30.06.2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 2 năm 2014

Đơn: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh				
			Năm nay	Năm trước	Lũy kế năm nay	Lũy kế năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	936.949.023.329	985.919.189.002	2.019.852.249.823	1.939.971.150.129
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	4.490.195.443	4.929.951.206	4.783.840.502	6.670.968.476
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	932.458.827.886	980.989.237.796	2.015.068.409.321	1.933.300.181.653
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	864.093.656.652	890.752.827.510	1.841.066.655.462	1.733.080.862.615
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		68.365.171.234	90.236.410.286	174.001.753.859	200.219.319.038
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	6.870.455.490	5.666.993.718	9.957.479.895	9.061.168.272
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.779.874.660	3.208.257.422	4.867.142.011	4.609.288.155
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.478.518.163	3.208.256.722	4.565.785.514	4.401.380.952
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	58.897.441.823	52.827.340.164	145.179.634.605	137.909.560.835
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	9.990.269.593	12.006.026.747	19.949.735.636	19.360.030.983
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.568.040.648	27.861.779.671	13.962.721.502	47.401.607.337
11. Thu nhập khác	31	VI.7	755.557.082	2.086.339.436	1.415.078.226	3.284.098.953
12. Chi phí khác	32			54.378.263	48.466.935	54.378.263
13. Lợi nhuận khác	40		755.557.082	2.031.961.173	1.366.611.291	3.229.720.690
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	VI.8	4.323.597.730	29.893.740.844	15.329.332.793	50.631.328.027
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		828.219.262	6.421.569.279	2.985.646.676	11.085.284.524
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		59.410.229	59.410.229	59.410.229	59.410.229
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	VI.9	3.435.968.239	23.412.761.336	12.284.275.888	39.486.633.274
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	181	1.234	647	2.080

Người lập biểu

Nguyễn Phương Thảo

Kế toán trưởng

Vũ Đức Thịnh



TP. HCM, ngày 18 tháng 7 năm 2014

Tổng giám đốc

Hà Bình Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo quý kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 2 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		15.329.332.793	50.631.328.027
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.8, 9	16.370.547.434	15.991.277.238
- Các khoản dự phòng	03		8.878.291.070	(11.788.847)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(1.818.676)	(688.629)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(351.896.701)	(592.076.282)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	4.565.785.514	4.401.380.952
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		44.790.241.434	70.419.432.459
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		19.901.440.725	(1.101.837.279)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(117.984.600.697)	23.361.444.330
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(103.269.744.854)	(31.334.881.092)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		3.474.202	60.742.455
- Tiền lãi vay đã trả	13		(4.685.084.861)	(4.117.616.513)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.16	(8.879.059.284)	(12.653.465.545)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		369.640.000	1.471.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	V.20	(5.346.745.571)	(2.528.686.148)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(175.100.438.906)	43.576.132.667
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(9.274.251.770)	(2.084.789.850)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	16.363.636	253.363.635
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	384.000.000	384.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(8.873.888.134)	(1.447.426.215)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU THỰC VẬT TƯƠNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo quý kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền (đồng)	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.13	1.350.159.258.208	705.560.791.601
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.13	(1.312.850.059.995)	(680.377.075.489)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	PL	(30.368.320.000)	(30.368.320.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		6.940.878.213	(5.184.603.888)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(177.033.448.827)	36.944.102.564
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	406.466.089.611	200.552.722.363
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	01	VI.3	1.818.676	688.629
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	229.434.459.460	237.497.513.556

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 7 năm 2014



Nguyễn Phương Thảo
Người lập biểu



Vũ Đức Thịnh
Kế toán trưởng



Hà Bình Sơn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN DỘ

Quý 2 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất, mua bán và xuất nhập khẩu các sản phẩm chế biến từ dầu, mỡ động thực vật, từ các loại hạt có dầu, thạch dừa; Sản xuất, mua bán các loại bao bì đóng gói; Cho thuê mặt bằng, nhà xưởng...

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng nhưng hạch toán phụ thuộc. Các đơn vị trực thuộc hạch toán dưới hình thức báo sổ và tập hợp chứng từ phát sinh về văn phòng công ty để hạch toán và lưu giữ chứng từ.

2. Áp dụng quy định kế toán mới

Ngày 24 tháng 10 năm 2012 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC qui định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư này qui định tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh, tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố thay vì sử dụng tỷ giá bình quân liên ngân hàng như hướng dẫn tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Các qui định khác của Thông tư này tương tự như hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái mà Công ty đang áp dụng.

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn trong năm.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ căn cứ vào đánh giá cụ thể về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 20
Máy móc và thiết bị	5 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 - 7

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 10 năm.

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại KCN Phú Mỹ I (Bà Rịa – Vũng Tàu) được khấu hao theo thời gian còn lại tính từ khi dự án đi vào hoạt động.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 3 năm.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

10. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

11. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức lương đóng BHXH trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

12. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty là vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

13. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là khoản nợ phải trả trong kỳ theo mức cổ tức được công bố.

14. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty như sau:

	Mục đích	Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty	10%	-
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	5%	-
• Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TUƠNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

18. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản phải thu và tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

19. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị gốc phát sinh trừ các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯƠNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	972.083.580	673.219.408
Tiền gửi ngân hàng	57.962.375.880	73.992.870.203
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống)	170.500.000.000	331.800.000.000
Cộng	<u>229.434.459.460</u>	<u>406.466.089.611</u>

2. Phải thu khách hàng

Phải thu các khách hàng tiền bán sản phẩm

3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ứng trước cho hoạt động sản xuất kinh doanh	516.275.219	439.047.828
Ứng trước cho hoạt động khác	4.105.210.000	1.039.500.000
Cộng	<u>4.621.485.219</u>	<u>1.478.547.828</u>

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.168.826.389	3.826.805.150
Trị giá vật liệu hỏng chờ giải quyết	-	635.312.678
Cộng	<u>1.168.826.389</u>	<u>4.462.117.828</u>

5. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi trên đường	6.600.750.684	5.045.486.645
Nguyên liệu, vật liệu	417.123.834.413	298.295.053.052
Công cụ, dụng cụ	678.662.428	343.557.966
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	75.367.533.741	47.783.989.399
Thành phẩm	105.462.576.925	132.049.807.715
Hàng hóa	527.791.978	4.258.654.695
Cộng	<u>605.761.150.169</u>	<u>487.776.549.472</u>

Một phần hàng tồn kho đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho khoản vay nợ của các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.13).

6. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho bao gồm:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng giảm giá cho nguyên liệu	(9.443.683.342)	-
Dự phòng giảm giá cho bán thành phẩm	(2.092.373.941)	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng giảm giá cho thành phẩm	(5.349.380.841)	(8.007.147.054)
Cộng	(16.885.438.124)	(8.007.147.054)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	(8.007.147.054)	(15.526.182.725)
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng trong kỳ	(8.878.291.070)	11.788.847
Số cuối năm	(16.885.438.124)	(15.514.393.878)

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Giá trị công cụ dụng cụ còn phải phân bổ	539.766.592	457.584.794
Chi phí thuê kho trả trước	-	85.656.000
Cộng	539.766.592	543.240.794

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	158.571.534.399	284.887.238.488	7.169.136.758	1.970.767.161	452.598.676.806
Tăng trong kỳ	2.210.134.385	3.947.192.786	3.114.871.380	175.580.000	9.447.778.551
<i>Mua sắm mới</i>	-	481.818.182	2.703.804.545	-	3.185.622.727
<i>Đầu tư XDCB hoàn thành</i>	2.210.134.385	3.465.374.604	411.066.835	175.580.000	6.262.155.824
Giảm trong kỳ	(292.612.000)	(134.550.000)	-	-	(427.162.000)
<i>Thanh lý</i>	(292.612.000)	(134.550.000)	-	-	(427.162.000)
Số cuối kỳ	160.489.056.784	288.699.881.274	10.284.008.138	2.146.347.161	461.619.293.357
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	23.304.141.583	50.013.293.616	2.365.926.079	1.883.650.161	77.567.011.439
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	74.947.916.806	190.998.925.062	4.886.310.330	1.915.316.566	272.748.468.764
Khấu hao trong kỳ	5.584.424.192	9.725.616.022	480.348.053	20.124.399	15.810.512.666
Giảm do thanh lý	(292.612.000)	(86.083.065)	-	-	(378.695.065)
Số cuối kỳ	80.239.728.998	200.638.458.019	5.366.658.383	1.935.440.965	288.180.286.365
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	83.067.093.956	92.654.791.043	5.210.336.733	51.094.745	179.850.208.042
Số cuối kỳ	80.249.327.786	88.061.423.255	4.917.349.755	210.906.196	173.439.006.992
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Số đầu năm	32.970.882.138	520.000.000	33.490.882.138
Số cuối kỳ	32.970.882.138	520.000.000	33.490.882.138
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	520.000.000	520.000.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	11.897.716.981	520.000.000	12.417.716.981
Khấu hao trong kỳ	560.034.768	-	560.034.768
Số cuối kỳ	12.457.751.749	520.000.000	12.977.751.749
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	21.073.165.157	-	21.073.165.157
Số cuối kỳ	20.513.130.389	-	20.513.130.389
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tại NMD Phú Mỹ	341.746.305	354.566.820
Tại NMD Vinh	3.528.649.817	6.755.066.083
Cộng	3.870.396.122	7.109.632.903

Tình hình biến động trong kỳ như sau:

	Kỳ này
Số đầu năm	7.109.632.903
Chi phí phát sinh trong kỳ	3.117.514.924
Kết chuyển tăng TSCĐ trong kỳ	(6.262.155.824)
Kết chuyển vào chi phí SXKD	(94.595.881)
Số cuối kỳ	3.870.396.122

11. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu Công ty Cổ phần bao bì dầu thực vật	192.000	1.824.000.000	192.000	1.824.000.000

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	843.703.054	962.523.511
Hoàn nhập trong kỳ	(59.410.229)	(59.410.229)
Số cuối kỳ	784.292.825	903.113.282

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

13. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN – Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾	179.208.782.930	140.214.708.881
Ngân hàng TNHH MTV HSBC VN – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾	-	27.367.961.885
Ngân hàng TMCP Công Thương VN – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱⁱ⁾	156.092.131.643	130.469.045.594
Cộng	335.360.914.573	298.051.716.360

(i) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số 0219/KH/12NH ngày 07 tháng 8 năm 2012 để bổ sung vốn lưu động. Chi tiết khoản vay như sau:

- Hạn mức vay : 150.000.000.000 VND
- Thời gian vay : 1 năm
- Lãi suất vay : Được xác định cho từng Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
- Tài sản đảm bảo : Tín chấp

(ii) Vay Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) theo Thỏa thuận sửa đổi số HBVN070218 ngày 04 tháng 4 năm 2012 và Bản điều chỉnh VNM07120805 ngày 28 tháng 4 năm 2012 để bổ sung vốn lưu động. Chi tiết khoản vay như sau:

- Hạn mức vay : 5.800.000 USD
- Thời gian vay : 3 năm
- Lãi suất vay : Được xác định cho từng Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
- Tài sản đảm bảo : Hàng tồn kho nhưng phải đảm bảo giá trị tồn kho không dưới 4.500.000 USD

(iii) Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số 300019416/2013 ngày 24 tháng 8 năm 2013 để bổ sung vốn lưu động. Chi tiết khoản vay như sau:

- Hạn mức vay : 220.000.000.000 VND
- Thời gian vay : tối đa 4 tháng (theo từng Giấy nhận nợ)
- Lãi suất vay : Được xác định cho từng Giấy nhận nợ cụ thể
- Tài sản đảm bảo : Tín chấp

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay

	Kỳ này năm nay	Kỳ này năm trước
Số đầu năm	298.051.716.360	175.640.857.288
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	1.350.159.258.208	705.560.791.601
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(1.312.850.059.995)	(680.377.075.489)
Số cuối kỳ	335.360.914.573	200.824.573.400

14. Phải trả người bán

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật VN	332.311.067.429	424.035.833.253
Công ty Cổ phần Bao bì Dầu thực vật	573.746.745	1.157.849.198
Các nhà cung cấp khác	37.891.416.830	44.179.182.977
Cộng	370.776.231.004	469.372.865.428

15. Người mua trả tiền trước

Khoản trả trước của khách hàng về mua sản phẩm.

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	28.335.525.819	(28.335.525.819)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	11.659.506.368	(11.659.506.368)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.721.631.870	2.985.646.676	(8.879.059.284)	828.219.262
Thuế thu nhập cá nhân	1.287.103.455	2.281.099.497	(3.475.211.352)	92.991.600
Thuế tài nguyên	150.000	600.000	(700.000)	50.000
Thuê đất, thuế đất	-	499.656.749	(499.656.749)	-
Thuế khác	-	28.224.600	(28.224.600)	-
Cộng	8.008.885.325	45.790.259.709	(52.877.884.172)	921.260.862

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp 22%

Công ty được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm 2014.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

17. Phải trả người lao động

Quy lương còn phải trả cho người lao động.

18. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trích trước chi phí lãi vay	243.415.610	362.714.957
Chi phí trích trước khác (CP bán hàng)	5.880.840.034	1.670.698.026
Cộng	6.124.255.644	2.033.412.983

19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
--	-------------------	-------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế thu nhập cá nhân tạm thu	9.891.000	17.691.000
Kinh phí công đoàn	596.051.098	810.335.874
Cổ tức phải trả	54.131.000	54.131.000
Nhận ký quỹ ngắn hạn	1.813.720.000	1.520.960.000
Các khoản phải trả khác	30.000.000	30.000.000
Cộng	2.503.793.098	2.433.117.874

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	5.333.385.043	1.559.106.897	(4.293.485.000)	2.599.006.940
Quỹ phúc lợi	1.852.001.785	307.106.897	(1.053.260.571)	1.105.848.111
Cộng	7.185.386.828	1.866.213.794	(5.346.745.571)	3.704.855.051

21. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.980.200	18.980.200
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.980.200	18.980.200
- Cổ phiếu phổ thông	18.980.200	18.980.200
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.980.200	18.980.200
- Cổ phiếu phổ thông	18.980.200	18.980.200
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	936.949.023.329	985.919.189.002
Doanh thu bán hàng hóa	2.980.153.861	3.578.847.490
Doanh thu bán thành phẩm	933.968.869.468	982.340.341.512
Các khoản giảm trừ doanh thu	(4.490.195.443)	(4.929.951.206)
Giảm giá hàng bán	(4.151.976.020)	(4.753.808.700)
Hàng bán bị trả lại	(338.219.423)	(176.142.506)
Doanh thu thuần	932.458.827.886	980.989.237.796

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ich, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu thuần bán hàng hóa</i>	2.980.153.861	3.578.847.490
<i>Doanh thu thuần bán thành phẩm</i>	929.478.674.025	977.410.390.306
2. Giá vốn hàng bán		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	3.529.399.169	3.725.883.731
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	860.564.257.483	887.026.943.779
Cộng	<u>864.093.656.652</u>	<u>890.752.827.510</u>
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi	6.403.066.772	5.119.207.296
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	81.570.042	163.097.793
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.818.676	688.629
Cổ tức được chia	384.000.000	384.000.000
Cộng	<u>6.870.455.490</u>	<u>5.666.993.718</u>
4. Chi phí tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	2.478.518.163	3.208.256.722
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	301.356.497	700
Cộng	<u>2.779.874.660</u>	<u>3.208.257.422</u>
5. Chi phí bán hàng		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	7.175.054.601	5.436.053.317
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	344.083.742	(800.463.657)
Chi phí khấu hao tài sản cố định	144.953.640	166.768.251
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.325.232.696	10.717.999.120
Chi phí khác	39.908.117.144	37.306.983.133
Cộng	<u>58.897.441.823</u>	<u>52.827.340.164</u>
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	5.258.987.649	6.847.003.855
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	413.472.573	480.236.081
Chi phí khấu hao tài sản cố định	331.024.715	214.512.892
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.373.367.605	1.031.301.845
Chi phí khác	1.613.417.051	3.432.972.074
Cộng	<u>9.990.269.593</u>	<u>12.006.026.747</u>
7. Thu nhập khác		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền hoàn thuế BVMT	-	1.176.000.000
Thu tiền bồi thường hợp đồng	-	194.603.863

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền bảo hiểm bồi thường	-	262.454.545
Thu tiền bán thanh lý TSCĐ	16.363.636	334.117.307
Thu nhập khác	739.193.446	119.163.721
Cộng	<u>755.557.082</u>	<u>2.086.339.436</u>

8. Lợi nhuận kế toán trước thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.323.597.730	29.893.740.844
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng		-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(303.031.070)	(303.031.070)
Thu nhập chịu thuế	4.020.566.660	29.590.709.774
Thu nhập được miễn thuế	(384.000.000)	(384.000.000)
Thu nhập tính thuế	3.636.566.660	29.206.709.774
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất phổ thông	800.044.665	7.301.677.444
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm cho phần thu nhập tăng thêm từ đầu tư mở rộng	28.174.597	(880.108.165)
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	<u>828.219.262</u>	<u>6.421.569.279</u>

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.435.968.239	23.412.761.336
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.435.968.239	23.412.761.336
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	18.980.200	18.980.200
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>181</u>	<u>1.234</u>

*** Giải trình biến động kết quả kinh doanh trên 10% so với cùng kỳ:**

Lợi nhuận kế toán sau thuế kỳ này giảm 19.976.793.097 VNĐ so với cùng kỳ năm trước (giảm 85,32 %). Nguyên nhân chủ yếu là do các yếu tố sau:

- Chi phí đầu vào tăng cao như xăng dầu, vận chuyển, tỷ giá USD/VND tăng 1%,...làm cho giá thành sản xuất tăng.
- Sức mua trên thị trường giảm mạnh, tình hình cạnh tranh ngày càng gay gắt cho nên giá bán sản phẩm giảm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯƠNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ich, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.248.270.444.396	908.169.725.906
Chi phí nhân công	24.094.566.043	29.577.305.838
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.315.441.415	7.973.438.047
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.607.406.832	22.539.562.076
Chi phí khác	41.521.534.195	40.739.955.207
Cộng	<u>1.346.809.392.881</u>	<u>1.008.999.987.074</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Trong kỳ Công ty phát sinh nghiệp vụ với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam		
Bán thành phẩm	-	-
Mua nguyên liệu	684.936.428.380	586.938.417.935
Công ty Cổ phần bao bì dầu thực vật		
Mua bao bì, chi phí gia công phải trả	1.364.437.550	1.508.401.900
Công ty Cổ phần dầu thực vật Tân Bình		
Bán thành phẩm	728.930.000	257.265.432
Tại ngày kết thúc kỳ báo cáo, công nợ với bên liên quan như sau:		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật VN		
Mua nguyên liệu	332.311.067.429	424.035.833.253
Công ty Cổ phần bao bì dầu thực vật		
Gia công, mua nguyên liệu và bao bì	573.746.745	1.157.849.198
Công ty Cổ phần dầu thực vật Tân Bình		
Bán thành phẩm	296.450.000	-
Cộng	<u>333.181.264.174</u>	<u>425.193.682.451</u>

Tất cả các giao dịch với Công ty mẹ là bên liên quan đều được thực hiện thông qua hợp đồng kinh tế và có phê duyệt của chủ tịch Hội đồng quản trị theo Điều lệ Công ty.

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc kỳ báo cáo, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động sẽ được thanh toán như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	499.761.250	499.761.250

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trên 1 năm đến 5 năm	1.999.045.000	1.999.045.000
Trên 5 năm	11.384.446.750	11.884.208.000
Cộng	13.883.253.000	14.383.014.250

Công ty thuê đất tại Nhà máy dầu Tường An (Tân Bình) và Nhà máy dầu Vinh (Nghệ An) dưới hình thức thuê hoạt động. Hợp đồng thuê đất ở Nhà máy dầu Tường An có hiệu lực trong khoảng từ năm 1996 đến năm 2046, hợp đồng thuê đất ở Nhà máy Vinh có hiệu lực từ năm 2002 đến năm 2032 và có khả năng được gia hạn thêm. Giá thuê đất được thanh toán theo thông báo của cơ quan thuế hàng năm.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 4 năm 2014

Nguyễn Phương Thảo

Nguyễn Phương Thảo
Người lập biểu

Vũ Đức Thịnh

Vũ Đức Thịnh
Kế toán trưởng



Hà Bình Sơn

Hà Bình Sơn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

Phụ lục: Tình hình biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	189.802.000.000	107.611.472.427	8.102.230.959	10.308.610.006	62.464.194.452	378.288.507.844
Lợi nhuận trong năm trước					65.858.089.797	65.858.089.797
Trích lập các quỹ năm trước		6.585.808.980		569.359.035	(10.448.072.505)	(3.292.904.490)
Chuyển trình bày lại số dư quỹ			(8.102.230.959)	8.102.230.959		
Chi thường năm trước					(1.035.000.000)	(1.035.000.000)
Chia cổ tức năm trước					(30.368.320.000)	(30.368.320.000)
Số dư cuối năm trước	189.802.000.000	114.197.281.407	-	18.980.200.000	86.470.891.744	409.450.373.151
Số dư đầu năm nay	189.802.000.000	114.197.281.407	-	18.980.200.000	86.470.891.744	409.450.373.151
Lợi nhuận trong kỳ này					12.284.275.888	12.284.275.888
Trích lập các quỹ trong kỳ này		1.228.427.589			(1.842.641.383)	(614.213.794)
Chia cổ tức trong kỳ này					(30.368.320.000)	(30.368.320.000)
Chi thường Ban điều hành					(1.252.000.000)	(1.252.000.000)
Số dư cuối kỳ	189.802.000.000	115.425.708.996	-	18.980.200.000	65.292.206.249	389.500.115.245

Nguyễn Phương Thảo

Nguyễn Phương Thảo
Người lập biểu

Vũ Đức Thịnh

Vũ Đức Thịnh
Kế toán trưởng



Hà Bình Sơn
Tổng Giám đốc